

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành giá dịch vụ nghĩa trang, nhà tang lễ được đầu tư
từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về Xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh theo phiếu lấy ý kiến của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 71/TTr-SXD ngày 27/3/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức giá dịch vụ nghĩa trang, nhà tang lễ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, như sau:

1. Giá dịch vụ nghĩa trang: Theo bảng giá tại phụ lục I.
2. Giá dịch vụ nhà tang lễ: Theo bảng giá tại phụ lục II.
3. Đối tượng áp dụng: Đơn vị quản lý vận hành, cung ứng dịch vụ và người sử dụng dịch vụ nghĩa trang, nhà tang lễ đối với các nghĩa trang, nhà tang lễ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
4. Giá dịch vụ nghĩa trang, nhà tang lễ quy định tại Quyết định này là cơ sở để ký kết hợp đồng, thanh toán, quyết toán hợp đồng dịch vụ nghĩa trang, nhà tang lễ; cơ sở để xác định dự toán kinh phí ngân sách đối với dịch vụ nghĩa trang, nhà tang lễ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh để thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh căn cứ mức giá dịch vụ nghĩa trang, nhà tang lễ tại Quyết định này để quản lý, giám sát việc niêm yết, công khai, thu tiền giá dịch vụ của các đơn vị cung cấp dịch vụ nghĩa trang, nhà tang lễ trên địa bàn theo quy định.
2. Đối với các dịch vụ nghĩa trang, nhà tang lễ chưa được ban hành giá hoặc không phù hợp với mức giá được ban hành tại Quyết định này, các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn

PHỤ LỤC I
ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ NGHĨA TRANG
(Kèm theo Quyết định số: 695/QĐ-UBND ngày 15/4/2025
của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

1. Đơn giá xây dựng mộ

Thành phần công việc:

- Đào huyệt mộ hung táng/cát táng.
- Xây dựng mộ hung táng (gồm phần huyệt, nắp huyệt): Đào huyệt, xây thân mộ, trát thân mộ, đắp cát thân mộ.
- Xây dựng mộ cát táng (gồm phần huyệt, nắp huyệt): Đào huyệt, xây bao huyệt, trát tường trong huyệt xây thân mộ, trát thân mộ, đắp cát thân mộ.

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn giá (VN đồng)	
			Khu vực II	Khu vực III
1	NV.101	Đào huyệt hung táng	560.000	530.000
2	NV.102	Xây mộ hung táng	2.170.000	2.090.000
3	NV.103	Đào huyệt cát táng	150.000	140.000
4	NV.104	Xây mộ cát táng	2.400.000	2.330.000

Ghi chú:

- Kích thước huyệt, mộ tuân thủ quy định tại Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang nhân dân và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Khu vực II gồm thuộc phạm vi địa giới thành phố Vĩnh Yên; thành phố Phúc Yên; huyện Bình Xuyên và huyện Yên Lạc. Khu vực III thuộc phạm vi địa giới các huyện còn lại.

2. Dịch vụ chăm sóc mộ

Thành phần công việc: Vệ sinh, nhổ cỏ dại quanh mộ, gom đổ đúng nơi quy định, quét rác và các tạp chất trên cỏ và đường đi tại khu vực mộ, cọ rửa, lau dọn phần mộ được ốp gạch, đá.

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Thành tiền (VN đồng)
1	NV.111	Chăm sóc phần mộ (mộ cát táng)	1 lần/mộ	28.000

2	NV.112	Chăm sóc phần mộ (mộ hung táng)	1 lần/mộ	26.000
3	NV.113	Chăm sóc phần mộ (mộ chôn cất một lần)	1 lần/mộ	47.000

PHỤ LỤC II
ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ NHÀ TANG LỄ
(Kèm theo Quyết định số: 695/QĐ-UBND ngày 15/4/2025
của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

1. Vận chuyển linh cữu

Thành phần công việc:

- Xe chở linh cữu: Đón, chở linh cữu đến nơi hỏa táng, nơi tổ chức tang lễ.
- Xe chở khách: Đón, trả khách đến nơi hỏa táng, tham dự tang lễ (gồm cả lượt đi, lượt về).

Nội dung công việc	Đơn vị	Giá vận chuyển	
		Xe rỗng chở linh cữu	Xe 30 chỗ chở khách
Vận chuyển cự ly 2 chiều (cả đi và về) ≤ 40 km	Đồng/chuyến	1.500.000	2.000.000
Mã số		NV.121	NV.122
Vận chuyển cự ly 2 chiều (cả đi và về) > 40 km	Đồng/01 km tăng thêm	8.000	10.000
Mã số		NV.123	NV.124

Ghi chú: Giá vận chuyển được xác định với cự ly vận chuyển là tổng quãng đường vận chuyển cả đi và về; trường hợp cự ly vận chuyển lớn hơn 40km thì giá vận chuyển được tính bổ sung cho mỗi km tăng thêm theo đơn giá tại biểu trên.

2. Tổ chức tang lễ

Thành phần công việc: Đơn giá tổ chức tang lễ bao gồm: khâm niệm, trang điểm, thay quần áo cho người mất, khiêng hoa, chuyển cữu, dẫn chương trình tại hội trường và chưa bao gồm đồ lễ, hoa, ảnh người mất...

Đơn vị tính: đồng/ca tang lễ

Mã số	Tên công việc	Đơn vị tính	Giá tổ chức tang lễ
NV.123	Tổ chức tang lễ dưới 2 giờ	Ca tang lễ	4.000.000
NV.124	Gửi xác nhà lạnh	Giờ	18.000